

BỘ NỘI VỤ-BỘ TÀI
CHÍNH
Số: 03/2003/TTLT-BNV-
BTC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 17 tháng 2 năm 2003

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

**Về việc hướng dẫn thực hiện điều chỉnh tiền lương, trợ cấp và sinh hoạt phí
đối với các đối tượng hưởng lương, phụ cấp, trợ cấp và sinh hoạt phí
thuộc ngân sách nhà nước**

Thực hiện Nghị định số 03/2003/NĐ-CP ngày 15/1/2003 của Chính phủ về việc điều chỉnh tiền lương, trợ cấp xã hội và đổi mới một bước cơ chế quản lý tiền lương, sau khi có ý kiến của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tại Công văn số 290/LĐTBXH-TL ngày 28/01/2003 và của Ban Tổ chức Trung ương tại Công văn số 2239/CV-TCTW ngày 24/01/2003, Liên tịch Bộ Nội vụ - Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện việc điều chỉnh tiền lương, trợ cấp và sinh hoạt phí thuộc ngân sách nhà nước như sau:

I. Đối tượng và phạm vi áp dụng

1. Cán bộ, công chức khu vực hành chính, sự nghiệp, đảng, đoàn thể, bao gồm những người được tuyển dụng, hợp đồng trong chỉ tiêu biên chế đang làm việc, đi học, thực tập, công tác, điều trị, điều dưỡng trong và ngoài nước, cụ thể:

Cán bộ, công chức hành chính, sự nghiệp thuộc các cơ quan quản lý Nhà nước từ Trung ương đến cấp huyện và các tổ chức sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách Nhà nước;

Cán bộ, công chức trong biên chế hưởng lương từ ngân sách nhà nước thuộc các cơ quan đảng, đoàn thể từ Trung ương đến cấp huyện;

Cán bộ, công chức hưởng lương trừ ngân sách nhà nước được biệt phái làm việc ở xã, phường, thị trấn;

Cán bộ, công chức trong biên chế nhà nước được biệt phái làm việc ở các Hội, các dự án và tổ chức quốc tế đặt tại Việt Nam mà tiền lương do ngân sách nhà nước đài thọ.

2. Cán bộ xã, phường, thị trấn (dưới đây gọi chung là cán bộ xã), cụ thể:

Cán bộ xã đang công tác theo quy định tại Nghị định số 09/1998/NĐ-CP ngày 23/1/1998 của Chính phủ;

Phó trưởng công an xã, Công an viên tại xã theo quy định tại Nghị định 40/1999/NĐ-CP ngày 23/06/1999 của Chính phủ;

Phó chỉ huy quân sự xã theo quy định tại Nghị định số 35/CP ngày 14/6/1996 và Nghị định số 46/2000/NĐ-CP ngày 12/9/2000 của Chính phủ;

Cán bộ xã già yếu nghỉ việc hưởng trợ cấp hàng tháng theo Quyết định số 130/CP ngày 20/6/1975 và Quyết định số 111/HĐBT ngày 13/10/1981 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ).

3. Giáo viên mầm non trong biên chế nhà nước theo Quyết định số 161/2002/QĐ-TTg ngày 15/11/2002 của Thủ tướng Chính phủ;

4. Cán bộ y tế xã, phường, thị trấn hưởng lương theo Quyết định số 58/TTg ngày 03/2/1994 và Quyết định số 131/TTg ngày 04/3/1995 của Thủ tướng Chính phủ.

5. Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp hưởng sinh hoạt phí theo quy định tại khoản 2 Điều 48 Quy chế hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp ban hành kèm theo Nghị quyết số 301/NQ-UBTVQH ngày 25/6/1996 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

II. Cách tính lại mức lương, phụ cấp, trợ cấp và sinh hoạt phí

Các đối tượng nêu tại mục I của Thông tư này được tính lại mức lương, phụ cấp, trợ cấp và sinh hoạt phí từ ngày 01 tháng 01 năm 2003 như sau:

1. Đối với cán bộ, công chức hành chính, sự nghiệp, đảng, đoàn thể:

Căn cứ vào hệ số mức lương và mức phụ cấp hiện hưởng quy định tại Nghị quyết số 35/NQ-UBTVQH ngày 17/5/1993 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Quyết định số 69/QĐ-TW ngày 17/5/1993 của Ban Bí thư Trung ương, Nghị định số 25/CP ngày

23/5/1993 của Chính phủ và mức lương tối thiểu được điều chỉnh lại theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 03/2003/NĐ-CP ngày 15/01/2003 của Chính phủ để tính lại mức lương và mức phụ cấp như sau:

1.1. Công thức tính lại mức lương:

$$\begin{array}{ccccc} \text{Mức lương} & & \text{Mức lương} & & \text{Hệ số mức} \\ \text{thực hiện từ} & = & \text{tối thiểu} & \times & \text{lương hiện} \\ 01/01/2003 & & 290.000 & & \text{hưởng} \\ & & \text{đồng/tháng} & & \end{array}$$

1.2. Công thức tính lại mức phụ cấp:

a) Đối với các khoản phụ cấp tính theo mức lương tối thiểu:

$$\begin{array}{ccccc} \text{Mức phụ cấp} & & \text{Mức lương} & & \text{Hệ số phụ cấp} \\ \text{thực hiện từ} & = & \text{tối thiểu} & \times & \text{hiện hưởng} \\ 01/01/2003 & & 290.000 & & \\ & & \text{đồng/tháng} & & \end{array}$$

b) Đối với các khoản phụ cấp tính theo tiền lương ngạch, bậc, chức vụ (chức vụ dân cử, bầu cử):

$$\begin{array}{ccccc} \text{Mức phụ cấp} & & \text{Mức lương} & & \text{Tỷ lệ \% phụ} \\ \text{thực hiện từ} & = & \text{thực hiện từ} & \times & \text{cấp được} \\ 01/01/2003 & & 01/01/2003 & & \text{hưởng theo} \\ & & & & \text{quy định} \end{array}$$

c) Riêng khoản phụ cấp của các chức danh bầu cử chuyên trách các cấp Hội Cựu chiến binh Việt Nam được tính theo tỷ lệ quy định hiện hành với mức lương chức vụ tương đương của đoàn thể cùng cấp đã điều chỉnh tại Thông tư này.

1.3. Công thức tính lại mức tiền của hệ số chênh lệch bảo lưu lương:

$$\begin{array}{ccccc} \text{Mức tiền của hệ số} & & \text{Mức lương} & & \text{Hệ số chênh} \\ \text{chênh lệch bảo lưu} & = & \text{tối thiểu} & \times & \text{lệch bảo lưu} \\ \text{lương (nếu có)} & & 290.000 & & \text{lương hiện} \\ \text{thực hiện từ} & & \text{đồng/tháng} & & \text{hưởng} \\ 01/01/2003 & & & & \end{array}$$

1.4. Đối với các khoản phụ cấp quy định bằng mức tiền cụ thể thì giữ nguyên theo quy định hiện hành.

2. Mức sinh hoạt phí đối với đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp, cán bộ xã đang công tác và đã nghỉ việc hưởng trợ cấp từ ngân sách nhà nước tính cụ thể như sau:

2.1. Mức sinh hoạt phí đối với đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp.

Căn cứ vào hệ số mức sinh hoạt phí hiện hưởng đối với đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp quy định tại khoản 2 Điều 48 Quy chế hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp ban hành kèm theo Nghị quyết số 301/NQ-UBTVQH ngày 25/6/1996 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, tính lại mức sinh hoạt phí theo công thức sau:

$$\begin{array}{ccccc} \text{Mức sinh hoạt} & & \text{Mức lương} & & \text{Hệ số mức} \\ \text{phí thực hiện} & = & \text{tối thiểu} & \times & \text{sinh hoạt phí} \\ 01/01/2003 & & 290.000 & & \text{hiện hưởng} \\ & & \text{đồng/tháng} & & \end{array}$$

2.2. Mức sinh hoạt phí đối với cán bộ xã đang công tác.

a) Đối với chức danh bầu cử theo nhiệm kỳ và chức danh khác thuộc Ủy ban nhân dân xã, được điều chỉnh mức sinh hoạt phí như sau:

Bí thư Đảng ủy xã hoặc Bí thư chi bộ nơi chưa có Đảng ủy xã, từ 393.800 đồng/tháng lên 543.800 đồng/tháng;

Phó Bí thư Đảng ủy xã, Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, từ 379.200 đồng/tháng lên 523.700 đồng/tháng;

Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, Thường trực Đảng ủy xã (nơi Bí thư hoặc Phó Bí thư kiêm chức danh Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã), Chủ tịch Mặt trận, trưởng các đoàn thể nhân dân xã (Hội phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh), chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự xã, Trưởng công an xã, từ 350.000 đồng/tháng lên 483.300 đồng/tháng.

Ủy viên Ủy ban nhân dân xã, từ 335.400 đồng/tháng lên 463.200 đồng/tháng;

Các chức danh khác thuộc Ủy ban nhân dân xã, từ 306.300 đồng/tháng lên 423.000 đồng/tháng.

Đối với các chức danh bầu cử và các chức danh khác thuộc Ủy ban nhân dân xã nêu trên khi được tái cử hoặc được tiếp tục công tác (tính từ năm thứ 6 trở đi) được hưởng chế độ phụ cấp 5% tính theo mức sinh hoạt phí đã điều chỉnh tại Thông tư này.

b) Đối với cán bộ chuyên môn:

Cán bộ thuộc bốn chức danh chuyên môn (Tư pháp - hộ tịch; địa chính; tài chính - kế toán; văn phòng Ủy ban nhân dân xã) đã được vận dụng xếp mức sinh hoạt phí theo hệ số lương ngạch, bậc công chức quy định tại Nghị định số 25/CP ngày 23/5/1993 của Chính phủ, thì áp dụng công thức tính lại mức sinh hoạt phí như sau:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Mức sinh hoạt} & & \text{Mức lương} & & \text{Hệ số mức sinh} & & \\ \text{phí thực hiện} & = & \text{tối thiểu} & \times & \text{hoạt phí hiện} & & \\ 01/01/2003 & & & & \text{hưởng đã được} & & \end{array}$$